

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày: 04/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đặng.

2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoàng D, sinh năm 1993.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp T, phường A, tỉnh Đồng Nai (theo Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2025)-có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Cao Vũ B, sinh năm 1995-có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Cao Hoàng T, sinh năm 1997-có mặt.

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ 19, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Ông Huỳnh Hùng C, sinh năm 1965.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh-có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2025, lời trình bày người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng D trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Qua mối quan hệ quen biết, khoảng tháng 4/2021, bà U có vay và nhận tiền mặt nhiều lần từ ông D với tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Việc vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khoảng từ năm 2022 đến năm 2023, bà U trả tiền nhiều lần cho ông D với tổng số tiền là 196.000.000 đồng. Còn lại số tiền là 304.000.000 đồng, bà U chỉ hứa hẹn mà không trả cho ông D.

Ngày 11/5/2024, ông D có hỏi bà U về số tiền nợ là 304.000.000 đồng thì bà U cam kết sẽ trả hết số tiền nợ này trong năm 2024, nếu làm sai sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nội dung cam kết trên được ông C (cha ruột của ông D) viết trong Giấy cam kết đề ngày 11/5/2024, bà U có đọc, đồng ý và ký tên, lăn tay vào giấy. Từ khi viết giấy cam kết cho đến khi bà U chết thì bà U chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông D. Gia đình của bà U và hai con ruột của bà U cũng không có động thái trả nợ cho ông D. Trong khi đó, ông B và ông T được thừa kế một phần đất do bà U để lại sau khi chết. Do đó, ngày 16/01/2025, ông D có gửi Thông báo trả nợ đến hai con ruột của bà U là ông B và ông T qua bưu điện, ông T có ký nhận thông báo này nhưng hai ông cũng không trả nợ cho ông D.

Nay, ông D khởi kiện yêu cầu ông B và ông T liên đới trả cho ông D số tiền nợ gốc là 304.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, dựa trên mức lãi suất là 10%/năm.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Cao Vũ B và ông Cao Hoàng T thống nhất trình bày:

Khoảng tháng 11/2024, bà U chết. Bà U có quan hệ nhân thân như sau:

- Cha ruột là ông Nguyễn Văn T, không rõ năm sinh (đã chết trước bà U).
- Mẹ ruột là bà Huỳnh Thị R, không rõ năm sinh (đã chết trước bà U).
- Chồng là ông Cao Tiến H, sinh năm 1972 (đã ly hôn năm 2017).
- Con ruột là Cao Vũ B, sinh năm 1995 và Cao Hoàng T, sinh năm 1997.

Ngoài ra, bà U không đăng ký kết hôn với ai và không có con riêng nào khác.

Trước khi chết, bà U có các giao dịch hay vay tiền gì thì ông B và ông T không rõ. Ông B và ông T không biết bà U vay tiền từ ông D và ông B, ông T không biết ông D là ai.

Giấy cam kết ngày 11/5/2024 thể hiện nội dung bà U nợ số tiền là 304.000.000 đồng từ ông D do phía ông D cung cấp, ông B và ông T không biết gì về khoản nợ này vì lúc còn sống, bà U không kể cho ông B và ông T biết. Chữ ký, ghi tên, lấn tay của bà U có trong giấy cam kết có phải của bà U hay không thì ông B và ông T không rõ.

Ông B và ông T cũng không nợ số tiền trên từ ông D nên không liên quan đến khoản nợ này. Vì vậy, việc ông D khởi kiện yêu cầu ông B và ông T trả số tiền nợ nêu trên là không có căn cứ, ông B và ông T không đồng ý. Ông B và ông T không yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định chữ ký, chữ viết, dấu lấn tay của bà U, thời điểm viết nội dung trong Giấy cam kết ngày 11/5/2024. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người làm chứng ông Huỳnh Hùng C trình bày:

Ông C thống nhất với toàn bộ lời khai của ông D có trong hồ sơ vụ án. Ông C có biết việc ông D cho bà U vay tiền. Bà U vay tổng số tiền là 500.000.000 đồng, đã trả số tiền 196.000.000 đồng, còn lại số tiền là 304.000.000 đồng thì bà U chưa trả. Giấy cam kết ngày 11/5/2024 với nội dung bà U nợ ông D số tiền là 304.000.000 đồng do ông C viết, bà U có đọc, đồng ý và ký, ghi tên, lấn tay vào.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự nhận thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn ông B; người làm chứng ông C đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B. Căn cứ khoản 1 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Theo Biên bản xác minh ngày 17/3/2025 tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, lời khai của ông T và ông B trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Trước khi chết, bà U có hai con ruột là ông B và ông Tôn, bà U đã ly hôn với chồng và ba mẹ ruột của bà U đã chết trước bà U. Do đó, bà B là người khởi kiện ông B, ông T là có căn cứ theo khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Về hình thức của hợp đồng:

Hình thức của Giấy cam kết ngày 11/5/2024, được ký kết giữa ông D với bà U là phù hợp với quy định tại Điều 119, 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về tính pháp lý của hợp đồng:

Ông D xác định bà U có vay và nhận tổng số tiền là 304.000.000 đồng theo Giấy cam kết ngày 11/5/2024, có ông D, bà U ký, ghi tên, lăn tay vào giấy. Ông D cho rằng quá thời hạn vay, bà U vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay nên khởi kiện buộc ông B và ông T phải trả số tiền nêu trên. Ông B và ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D.

Theo Kết luận giám định số 1576/KL-KTHS(TL+ĐV) ngày 22/4/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương thể hiện chữ ký viết họ tên và 02 dấu vân tay mang tên “Nguyễn Thị U” dưới mục “Người mượn” trên 01 “Giấy cam kết” đề ngày 11/5/2024 so với chữ viết tên “U”, chữ viết và dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải của Nguyễn Thị U trên tài liệu mẫu do cùng một người ký, viết, in ra. Như vậy, căn cứ vào kết quả giám định trên thể hiện bà U có ký, ghi tên, lăn tay vào Giấy cam kết đề ngày 11/5/2024, người làm chứng ông C cũng xác định bà U có vay và nhận tổng số tiền vay là 304.000.000 đồng từ ông D. Do đó, có căn cứ xác định bà U có vay số tiền là 304.000.000 đồng từ ông D.

Ông B và ông T không chứng minh được đã trả số tiền là 304.000.000 đồng cho ông D. Đến thời điểm ông D khởi kiện thì đã quá thời hạn cho bà U vay. Do đó, căn cứ vào các chứng cứ trên, yêu cầu khởi kiện của ông D là có cơ sở để chấp nhận. Cần buộc ông B và ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là 304.000.000 đồng cho ông D.

Theo nội dung thỏa thuận giữa ông D và bà U tại Giấy cam kết đề ngày 11/5/2024 thì bà U phải trả hết số tiền vay trong năm 2024. Như vậy, quá năm 2024, bà U không trả tiền nợ gốc là bà U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ông D yêu cầu ông B và ông T phải trả số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp theo Điều 357 Bộ luật Dân sự, theo đó, ông B và ông T phải trả cho ông D số tiền lãi được tính như sau: 304.000.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng 03 ngày = 17.986.666 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí giám định: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 119, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng D đối với bị đơn ông Cao Vũ B và ông Cao Hoàng T về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Cao Vũ B và ông Cao Hoàng T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Hoàng D số tiền nợ gốc là 321.986.666 đồng (ba trăm hai mươi một triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) (trong đó, tiền nợ gốc là 304.000.000 đồng, nợ lãi là 17.986.666 đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Huỳnh Hoàng D cho đến khi thi hành án xong, ông Cao Vũ B và ông Cao Hoàng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian phải thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Hoàng D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.978.480 đồng (bảy triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000019 ngày 14/02/2025 của Phòng Thi hành dân sự khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh (tên cũ là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

- Ông Cao Vũ B và ông Cao Hoàng T phải chịu số tiền là 16.099.333 đồng (mười sáu triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Về chi phí giám định: Ông Cao Vũ B và ông Cao Hoàng T phải chịu 1.530.000 đồng (một triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Ngọc Hoàng An**